## 3. Thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)

**a) Trình tự thực hiện:**

*- Bước 1:* Sở Khoa học và Công nghệ thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án địa phương mình quản lý trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ, báo điện tử hoặc báo in của địa phương và tiếp nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án;

*- Bước 2:* Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ mở công khai, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ. Đại diện các đơn vị nộp hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện dự án và các đơn vị, cá nhân có liên quan khác được mời tham dự;

*- Bước 3:* Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản mở hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập, tổ chức họp hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án;

*- Bước 4:* Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đã được hoàn thiện theo kết luận của hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập, tổ chức họp Tổ thẩm định dự toán kinh phí dự án;

*- Bước 5:* Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đã được hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định dự toán kinh phí, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án;

*- Bước 6:* Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ công bố công khai kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án đã được phê duyệt.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp qua phần mềm dịch vụ công trực tuyến.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*- Thành phần Hồ sơ:*

+ Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức đăng ký chủ trì hoặc các giấy tờ tương đương khác;

+ Điều lệ hoạt động của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp dự án (nếu có);

+ Phiếu đăng ký chủ trì thực hiện dự án;

+ Thuyết minh dự án;

+ Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp dự án;

+ Lý lịch khoa học của chủ nhiệm dự án, các thành viên chính và thư ký khoa học thực hiện dự án; lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài;

+ Văn bản xác nhận về sự đồng ý phối hợp thực hiện dự án của các đơn vị phối hợp (nếu có);

+ Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện dự án, thời gian báo giá không quá 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Báo giá có thể được cập nhật, điều chỉnh hoặc bổ sung trước thời điểm họp thẩm định dự toán kinh phí dự án (nếu cần);

+ Báo cáo tài chính tối thiểu 02 năm gần nhất của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp dự án;

+ Văn bản chứng minh phương án huy động kinh phí đối ứng (đối với dự án có yêu cầu phải huy động kinh phí đối ứng) theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN

*- Số lượng hồ sơ:* 01 bộ hồ sơ gốc và 01 bản điện tử (không cài bảo mật).

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập tổ chức họp hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện dự án: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản mở hồ sơ;

- Trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập và tổ chức họp Tổ thẩm định dự toán kinh phí dự án: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hiệu chỉnh;

- Trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án địa phương quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định;

- Công bố kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp dự án: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các tổ chức, cá nhân đáp ứng quy định về đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp dự án.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh .

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án địa phương quản lý của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

**h) Lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án (Mẫu B5-PĐK);

- Thuyết minh dự án (Mẫu B6-TMDA 17/2017/TT-BKHCN);

- Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp dự án (Biểu B1-3-LLTC);

- Lý lịch khoa học của chủ nhiệm dự án, các thành viên chính và thư ký khoa học thực hiện dự án; lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài (Biểu B1-4-LLCN);

- Văn bản xác nhận (nếu có) về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện dự án (Biểu B1-5-PHNC).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Điều kiện đối với tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp dự án:

+ Có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của dự án;

+ Có khả năng huy động kinh phí đối ứng thực hiện dự án;

+ Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017.

- Điều kiện đối với cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án:

+ Có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và đã hoạt động trong lĩnh vực của dự án trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ; hoặc là tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, tác giả giống cây trồng và tác giả của các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ khác quy định tại Điều 3 của Luật Sở hữu trí tuệ đăng ký làm chủ nhiệm dự án liên quan đến các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ này;

+ Có khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của chủ nhiệm dự án;

+ Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 4 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

- Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về viêc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

### Mẫu B5-PĐK

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*…………, ngày …… tháng …… năm ………*

**PHIẾU ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN  
thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020**

Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ

**(Chương trình phát triển tài sản trí tuệ)**

386 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

**1. Tên dự án:**

Mã số dự án:

**2. Tổ chức đăng ký chủ trì dự án:**

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:..........................................

Số tài khoản: Ngân hàng: ………………………

Đại diện pháp lý:

**2. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án:**

Họ và tên: ........................................... Chức vụ: ………………………

Học hàm:............................................. Học vị: ………………………...

Địa chỉ:................................................. Điện thoại: …………………….

**4. Người liên hệ:**

Họ và tên:

Email:.................................................... Điện thoại: …………………….

**5. Tài liệu kèm theo**

a) Thuyết minh dự án;

b) Bản sao Quyết định thành lập (hoặc Điều lệ hoạt động) của tổ chức đăng ký chủ trì dự án;

c) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì dự án;

d) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm dự án, các thành viên chính, thư ký khoa học của dự án; lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài (nếu có);

đ) Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện dự án (nếu có);

e) Báo giá thiết bị, nguyên, vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện dự án;

g) Báo cáo tài chính (…… năm gần nhất) của tổ chức đăng ký chủ trì;

h) Tài liệu chứng minh khả năng huy động kinh phí từ nguồn khác ngoài nguồn ngân sách của Chương trình để thực hiện dự án.

Chúng tôi cam đoan những nội dung, số liệu và thông tin kê khai trong hồ sơ là đúng sự thật và cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm dự án nếu dự án được tuyển chọn.

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁ NHÂN**  **ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM DỰ ÁN** | **TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |
| *(Ký và ghi rõ họ tên)* |  |

### Mẫu B6-TMDA

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**THUYẾT MINH DỰ ÁN  
thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

**1. Tên dự án:**

Mã số dự án:

**2. Thời gian thực hiện:** … tháng (từ tháng … năm 201… đến tháng … năm ……)

**3. Cấp quản lý:** Trung ương quản lý: □ Địa phương quản lý: □

**4. Tổ chức chủ trì dự án:**

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Số tài khoản: Mã số thuế:

Đại diện pháp lý: Chức vụ:

**5. Chủ nhiệm dự án:**

Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:

Cơ quan công tác: Chức vụ:

Học hàm: Học vị:

Điện thoại: Email:

**6. Thư ký khoa học của dự án:**

Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:

Cơ quan công tác: Chức vụ:

Học hàm: Học vị:

Điện thoại: Email:

**7. Dự kiến kinh phí thực hiện:**

Tổng kinh phí thực hiện dự án: triệu đồng

*Trong đó:*

- Từ ngân sách Trung ương: triệu đồng

- Từ ngân sách địa phương: triệu đồng

- Kinh phí đối ứng: triệu đồng

**Phương thức khoán chi**:

|  |  |
| --- | --- |
| □ Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng | □ Khoán chi từng phần, trong đó:  - Kinh phí khoán: triệu đồng;  - Kinh phí không khoán: triệu đồng. |

**II. PHẦN THUYẾT MINH CHI TIẾT**

**1. Căn cứ xây dựng dự án:**

*Căn cứ pháp lý*: Chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, lĩnh vực chuyên môn của dự án; văn bản pháp lý về lĩnh vực có liên quan, văn bản về Chương trình và quyết định phê duyệt Danh mục dự án đặt hàng;

*Căn cứ thực tiễn*: Luận giải và chứng minh tính cấp thiết, khả thi và hiệu quả của dự án; tác động của dự án đến phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh, quốc phòng; khả năng cạnh tranh của sản phẩm về chất lượng và giá thành; tạo lập và phát triển tài sản trí tuệ mới có giá trị; khả năng ứng dụng, chuyển giao, duy trì và phát triển sản phẩm sau khi kết thúc dự án;

*Căn cứ khoa học (đối với dự án áp dụng sáng chế)*: Mô tả chi tiết sáng chế, luận giải tính cập thiết của việc áp dụng sáng chế. Chứng minh các nội dung mang tính chất kỹ thuật của sáng chế để bảo đảm việc áp dụng sáng chế là khả thi và hiệu quả.

**2. Mục tiêu của dự án:** Mục tiêu chung, cụ thể, nhân rộng của dự án *(Mục tiêu đặt ra cần có định lượng và bảo đảm tính khả thi).*

**3. Nội dung của dự án:** Các nội dung và hạng mục công việc phải thực hiện *(Phân tích rõ những vấn đề mà dự án cần giải quyết nhằm hướng tới các mục tiêu và bảo đảm đạt được các sản phẩm, kết quả dự kiến của dự án).*

**4. Phương án triển khai dự án:**

*a) Phương án tổ chức triển khai:*

*b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án* (Địa điểm thực hiện dự án, trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án; nguyên, vật liệu, nhân lực cần cho triển khai dự án).

*c) Phương án về tài chính:* Tổng kinh phí thực hiện dự án; phương án sử dụng nguồn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn ngân sách Nhà nước); phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để đối ứng thực hiện dự án; tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án, thời gian thu hồi vốn nếu có).

**5. Tiến độ thực hiện dự án:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các nội dung, công việc thực hiện chủ yếu** | **Kết quả/ sản phẩm phải đạt** | **Thời gian (bắt đầu và kết thúc)** | **Tổ chức thực hiện** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**6. Cán bộ thực hiện dự án**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên, học hàm, học vị** | **Đơn vị công tác** | **Nội dung công việc tham gia** | **Thời gian làm việc cho dự án (số tháng quy đổi)** |
| **1** | **Chủ nhiệm dự án** | | | |
|  |  |  |  |  |
| **2** | **Thư ký khoa học của dự án** | | | |
|  |  |  |  |  |
| **3** | **Cán bộ phụ trách kế toán, tài chính của dự án** | | | |
|  |  |  |  |  |
| **4** | **Các thành viên thực hiện chính** | | | |
| … |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

**7. Thuê chuyên gia**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thuê chuyên gia trong nước** | | | | | | | | |
| **TT** | **Họ và tên,**  **học hàm, học vị** | **Thuộc**  **tổ chức** | | **Lĩnh vực chuyên môn** | | **Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê** | | **Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)** |
| 1 |  |  | |  | |  | |  |
| 2 |  |  | |  | |  | |  |
| 3 |  |  | |  | |  | |  |
| ... |  |  | |  | |  | |  |
| **Thuê chuyên gia nước ngoài** | | | | | | | | |
| **TT** | **Họ và tên, học hàm, học vị** | **Quốc tịch** | **Thuộc tổ chức** | | **Lĩnh vực chuyên môn** | | **Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê** | **Thời gian thực hiện quy đổi**  **(tháng)** |
| 1 |  |  |  | |  | |  |  |
| 2 |  |  |  | |  | |  |  |
| ... |  |  |  | |  | |  |  |

**8. Đơn vị phối hợp thực hiện dự án**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đơn vị** | **Địa chỉ** | **Nội dung phối hợp**  **thực hiện** | **Tóm tắt năng lực đơn vị liên quan đến công việc phối hợp thực hiện** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**9. Sản phẩm, kết quả của dự án**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kết quả, sản phẩm** | **Đơn vị tính/Tiêu chí đánh giá chủ yếu** | **Mức phải đạt** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**10. Kinh phí thực hiện dự án và nguồn huy động cho các khoản chi**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số kinh phí** | **Trong đó** | | | |
| **Lao động, chuyên môn, nghiệp vụ** | **Nguyên vật liệu, năng lượng** | **Máy móc, thiết bị** | **Quản lý dự án và chi khác** |
|  | Tổng |  |  |  |  |  |
|  | Trong đó: |  |  |  |  |  |
| 1 | Ngân sách Trung ương |  |  |  |  |  |
| 2 | Ngân sách địa phương |  |  |  |  |  |
| 3 | Nguồn vốn khác |  |  |  |  |  |
| *- Tự có* |  |  |  |  |  |
| *- Huy động* |  |  |  |  |  |

**11. Dự kiến hiệu quả kinh tế - xã hội** (*Hiệu quả về kinh tế:* ước tính hiệu quả kinh tế bằng số lượng hoặc bằng tiền, mức thu nhập tăng như thế nào so với trước khi thực hiện dự án; *Hiệu quả về xã hội:* Giải quyết việc làm cho bao nhiêu lao động, nâng cao nhận thức về SHTT, bảo vệ và phát huy giá trị truyền thống…)

**12. Dự báo rủi ro và đề xuất các phương án phòng ngừa**

**13. Phương thức triển khai sau khi dự án kết thúc**

**14. Kết luận và kiến nghị**

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày.......tháng.........năm .........* | *Ngày........tháng..........năm .........* |
| **CHỦ NHIỆM DỰ ÁN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN**  *(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

**Khoản 1. Chi tiết khoản chi phí lao động, chuyên môn, nghiệp vụ** *(Đơn vị: triệu đồng)*

**1. Chi tiết theo nội dung chi**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | |
| **NSTƯ** | | | **NSĐP** | | | **Khác** |
| **Tổng** | **Khoán chi** | **Không khoán chi** | **Tổng** | **Khoán chi** | **Không khoán chi** |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Tổng hợp theo cá nhân tham gia dự án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Nội dung chi** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | |
| **NSTƯ** | | | **NSĐP** | | | **Khác** |
| **Tổng** | **Khoán chi** | **Không khoán chi** | **Tổng** | **Khoán chi** | **Không khoán chi** |
| 1 | Chủ nhiệm dự án | | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thư ký khoa học | | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Các thành viên thực hiện chính dự án | | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 2. Chi tiết khoản nguyên vật liệu, năng lượng** *(Đơn vị: triệu đồng)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | |
| **NSTƯ** | | | **NSĐP** | | | **Khác** |
| **Tổng** | **Khoán chi** | **Không khoán chi** | **Tổng** | **Khoán chi** | **Không khoán chi** |
| 2.1 | Sở hữu trí tuệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Bảo hộ sở hữu trí tuệ *(Chuyên gia, luật sư tư vấn, lập hồ sơ đăng ký bảo hộ; phí, lệ phí bảo hộ ...)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Mua bán quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản trí tuệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Chi phí khác có liên quan |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Nguyên vật liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.3 | Dụng cụ, phụ tùng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.4 | Năng lượng, nhiên liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Than |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Điện | KW/h |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Xăng, dầu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Nhiên liệu khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 3. Chi tiết khoản máy móc, thiết bị** *(Đơn vị: triệu đồng)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | |
| **NSTƯ** | | | **NSĐP** | | | **Khác** |
| **Tổng** | **Khoán chi** | **Không khoán chi** | **Tổng** | **Khoán chi** | **Không khoán chi** |
| 3.1 | Mua thiết bị công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 | Khấu hao thiết bị |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.3 | Vận chuyển lắp đặt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 4. Chi tiết khoản chi quản lý dự án và các khoản chi khác** *(Đơn vị: triệu đồng)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | | | |
| **NSTƯ** | | | **NSĐP** | | | **Khác** |
| **Tổng** | **Khoán chi** | **Không khoán chi** | **Tổng** | **Khoán chi** | **Không khoán chi** |
| 4.1 | Công tác phí |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.2 | Kinh phí quản lý dự án |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.3 | Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *- Chi phí kiểm tra, nghiệm thu mô hình* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *- Chi phí tự đánh giá kết quả thực hiện* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.4 | - In ấn, photo tài liệu, văn phòng phẩm |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hội thảo |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hội nghị |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Chi khác |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | |  |  |  |  |  |  |  |  |

### Biểu B1-3-LLTC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**[[1]](#footnote-1) **CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Tên tổ chức:**    Năm thành lập:  Địa chỉ:  Website:  Điện thoại: Fax:...............................................  E-mail: | | | | |
| **2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:** | | | | |
| 1. **Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức** | | | | |
|  | **TT** | **Cán bộ có trình độ đại học trở lên** | **Tổng số** |  |
|  | 1 | Tiến sỹ |  |  |
|  | 2 | Thạc sỹ |  |  |
|  | 3 | Đại học |  |  |
|  |  |  |  |  |
| **4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp** | | | | |
|  | **TT** | **Cán bộ có trình độ đại học trở lên** | **Số trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp** |  |
|  | 1 | Tiến sỹ |  |  |
|  | 2 | Thạc sỹ |  |  |
|  | 3 | Đại học |  |  |
|  |  |  |  |  |
| **5**. **Kinh nghiệm và thành tựu KH&CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đã kê khai ở mục 4 trên đây***(Nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án/đề án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác, ...)* | | | | |
| **6**. **Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:**  - Nhà xưởng:      - Trang thiết bị chủ yếu: | | | | |
| **7**. **Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách nhà nước) cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:**  Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: triệu đồng *(Văn bản chứng minh kèm theo)* | | | | |

*…………, ngày …… tháng …… năm ………*

**THỦ TRƯỞNG**

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**

**KH&CN TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP**

*(Họ, tên và chữ ký*

*của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)*

### Biểu B1-4-LLCN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**LÝ LỊCH KHOA HỌC  
CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** [[2]](#footnote-2)

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: □

ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH NHIỆM VỤ[[3]](#footnote-3): □

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.** Họ và tên: | | | | | | | | | | |
| **2.** Năm sinh: **3.** Nam/Nữ: | | | | | | | | | | |
| **4.** Học hàm: Năm được phong học hàm:  Học vị: Năm đạt học vị: | | | | | | | | | | |
| **5.** Chức danh nghiên cứu:  Chức vụ: | | | | | | | | | | |
| **6.** Điện thoại:Tổ chức: Mobile:  **7.** Fax: E-mail: | | | | | | | | | | |
| **8. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký**:  Tên tổ chức:  Tên người Lãnh đạo  Điện thoại người Lãnh đạo:  Địa chỉ tổ chức: | | | | | | | | | | |
| **9. Quá trình đào tạo** | | | | | | | | | | |
| **Bậc đào tạo** | | **Nơi đào tạo** | | | | **Chuyên môn** | | | **Năm tốt nghiệp** | |
| Đại học | |  | | | |  | | |  | |
| Thạc sỹ | |  | | | |  | | |  | |
| Tiến sỹ | |  | | | |  | | |  | |
| Thực tập sinh khoa học | |  | | | |  | | |  | |
| **10. Quá trình công tác** | | | | | | | | | | |
| **Thời gian** (*Từ năm ... đến năm...*) | | **Vị trí công tác** | | **Tổ chức công tác** | | | | | **Địa chỉ Tổ chức** | |
|  | |  | |  | | | | |  | |
|  | |  | |  | | | | |  | |
|  | |  | |  | | | | |  | |
|  | |  | |  | | | | |  | |
| **11. Các công trình công bố chủ yếu** *(Liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký trong 5 năm gần nhất)* | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên công trình** (*bài báo, công trình...*) | | **Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình** | | | **Nơi công bố** (*tên tạp chí đã đăng công trình*) | | | | **Năm công bố** |
|  |  | |  | | |  | | | |  |
|  |  | |  | | |  | | | |  |
|  |  | |  | | |  | | | |  |
|  |  | |  | | |  | | | |  |
| **12. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp** *(Liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)* | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên và nội dung văn bằng** | | | | | | **Năm cấp văn bằng** | | | |
|  |  | | | | | |  | | | |
|  |  | | | | | |  | | | |
|  |  | | | | | |  | | | |
|  |  | | | | | |  | | | |
| **13. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn** *(Liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)* | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên công trình** | | **Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng** | | | | | **Thời gian** *(bắt đầu - kết thúc)* | | |
|  |  | |  | | | | |  | | |
|  |  | |  | | | | |  | | |
|  |  | |  | | | | |  | | |
|  |  | |  | | | | |  | | |
|  |  | |  | | | | |  | | |
| **14. Các đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia** *(Trong 05 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)* | | | | | | | | | | |
| **Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì** | | **Thời gian** *(bắt đầu - kết thúc)* | | | **Thuộc Chương trình** *(nếu có)* | | | | **Tình trạng đề tài** *(đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)* | |
|  | |  | | |  | | | |  | |
|  | |  | | |  | | | |  | |
|  | |  | | |  | | | |  | |
| **Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia** | | **Thời gian**  *(bắt đầu - kết thúc)* | | | **Thuộc Chương trình** *(nếu có)* | | | | **Tình trạng đề tài** *(đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)* | |
|  | |  | | |  | | | |  | |
|  | |  | | |  | | | |  | |
|  | |  | | |  | | | |  | |
| **15. Giải thưởng** *(Về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)* | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Hình thức và nội dung giải thưởng** | | | | | | **Năm tặng thưởng** | | | |
|  |  | | | | | |  | | | |
|  |  | | | | | |  | | | |
| **16. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác** *(Liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)* | | | | | | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN[[4]](#footnote-4)**  (*Xác nhận và đóng dấu*)  Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông, Bà ...... chủ trì (tham gia) thực hiện đề tài/đề án, dự án | *………, ngày … tháng … năm ……*  **CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

### Biểu B1-5-PHNC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN[[5]](#footnote-5)**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

Kính gửi:................................................................................[[6]](#footnote-6)

**1. Tên đề tài/đề án/dự án SXTN đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:**

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

Mã số của Chương trình:

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

**2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì đề tài/đề án/dự án SXTN**

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì đề tài/đề án/dự án SXTN:

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài/đề án/dự án SXTN

**3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài/đề án/dự án SXTN**

Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài/đề án/dự án SXTN:

Địa chỉ:

Điện thoại:

**4.** Nội dung công việc tham gia trong đề tài/đề án/dự án SXTN (*và kinh phí tương ứng*) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản thuyết minh đề tài/đề án/dự án SXTN của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Quý Bộ hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của đề tài/đề án/dự án SXTN.

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁ NHÂN**  **ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM**  *(Họ, tên và chữ ký)* | *………, ngày … tháng … năm ……*  **THỦ TRƯỞNG**  **TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |
| **THỦ TRƯỞNG**  **TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN**  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* | |

1. Trình bày và in trên khổ giấy A4. [↑](#footnote-ref-1)
2. Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện chính đề tài/đề án hoặc dự án SXTN cấp Quốc gia. Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4. [↑](#footnote-ref-2)
3. Nếu đăng ký tham gia, ghi số thứ tự theo mục 12 bản thuyết minh đề tài KHCN hoặc mục 11 bản thuyết minh đề tài KHXH/đề án hoặc mục 11 bản Thuyết minh dự án SXTN tương ứng. [↑](#footnote-ref-3)
4. Nhà khoa học không thuộc tổ chức KH&CN nào thì không cần làm thủ tục xác nhận này. [↑](#footnote-ref-4)
5. Giấy xác nhận được trình bày và in ra trên khổ giấy A4 [↑](#footnote-ref-5)
6. Tên Bộ, ngành, địa phương [↑](#footnote-ref-6)